

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG BỀN VỮNG: MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI CHO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

Đỗ Đức Định*

Trong Tạp chí số 33 (6/2010), Tạp chí Quản lý Kinh tế đã đăng các phần: 1. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường; 2. Thực thi chiến lược CNH phát huy lợi thế so sánh động. Sau đây, mời các bạn đọc phần tiếp theo.

3. Thực hiện chiến lược phát triển lấy con người làm trung tâm với nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chính

Kinh nghiệm của cả những nước nghèo tài nguyên thiên nhiên như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapo, Thụy Sĩ, Ixraen, và những nước giàu tài nguyên thiên nhiên như các quốc gia có nhiều dầu lửa, vàng, kim cương và các loại khoáng sản khác ở khu vực Trung Đông, châu Phi, đều khẳng định chỉ có dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao là chính thì mới có thể đạt được một sự phát triển nhanh, cao và bền vững. Hơn nữa, nguồn nhân lực chất lượng cao với trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cao còn là yếu tố cốt lõi giúp một nước phát triển trung bình sớm thoát khỏi cái "bẫy thu nhập trung bình". Ý lại quá nhiều vào tài nguyên thiên nhiên thì dù có nhiều đến mấy cũng chỉ có thể nhanh chóng kiếm được một ít tiền nhờ khai thác và bán tài nguyên thô, trở nên khá giả nhất thời, không đạt được mục tiêu trở thành một nước công nghiệp hay một nước phát triển. Chưa kể vì những nguồn tài nguyên đó mà nhiều quốc gia đã bị biến thành những bãi chiến trường thê thảm của nạn cướp trong giặc ngoài.

Đối với Việt Nam, một nước vừa nhỏ vừa hẹp, tuy mới phát hiện ra một số tài nguyên khoáng sản có trữ lượng khá, nhưng không đáng là bao so với nhiều nước trên thế giới, trong khi chúng ta lại có nguồn nhân lực khá dồi dào với 86 triệu người năm 2009, đứng thứ 13 thế giới, Việt Nam không có con đường nào tốt hơn là xây dựng và thực thi chiến lược phát triển lấy con người làm trung tâm, lấy nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chính để đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước, của công ty, cũng như của mỗi sản phẩm. Muốn làm được điều đó, chúng ta không những cần xây dựng một xã hội công bằng, ổn định và đồng thuận, mà còn cần phát triển mạnh giáo dục, đào tạo bậc cao để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo ra một môi trường dân chủ để mọi người phát huy tài năng, sáng tạo, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Trong những năm đổi mới vừa qua, chúng ta đã đạt một số thành quả quan trọng trong việc giải quyết và phát triển một số vấn đề kinh tế - xã hội thiết yếu. Nổi bật là việc phát triển rộng rãi hệ thống giáo dục phổ thông, tạo điều kiện để trên 90% số người dân được đến trường và biết chữ, mở rộng mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe cho đại đa số nhân dân, góp phần nâng cao tuổi thọ trung bình từ 50 tuổi trong thập niên 1960 lên

* Đỗ Đức Định, Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung Đông và châu Phi.

trên 70 tuổi hiện nay, giảm nhanh tỷ lệ nghèo đói từ trên 70% xuống 20%, đảm bảo phân phối những thành quả của tiến trình đổi mới không chỉ có lợi cho người giàu, mà còn hỗ trợ tích cực cho cả người nghèo. Những thành quả trên đây chứng minh tính ưu việt của mô hình "kinh tế thị trường định hướng XHCN". Chính nhờ mô hình đó mà nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nan giải và thiết yếu đã được giải quyết khá thành công ngay trong điều kiện một nước có nền kinh tế kém phát triển vào loại nhất thế giới như Việt Nam. Thực tế này khẳng định sự đúng đắn và cần thiết tiếp tục đường lối định hướng XHCN, nhất là, trong việc đề ra và thực thi các chiến lược phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, khắc phục cơ chế bình quân chủ nghĩa trước đây đã triệt tiêu động lực phát triển, *xây dựng một cơ chế mới kết hợp tăng trưởng kinh tế cao với công bằng xã hội*, khơi dậy các động lực phát triển phục vụ lợi ích người lao động, tạo ra một môi trường sống và làm việc năng động, ổn định và đồng thuận.

Hệ thống giáo dục - đào tạo là yếu tố có vị trí quan trọng hàng đầu, cốt lõi để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Một thành tích lớn của chúng ta trong thời kỳ vừa qua là đã đẩy mạnh phát triển giáo dục phổ thông và dạy tiếng Việt, đưa giáo dục phổ thông và tiếng Việt trở thành nền tảng tri thức, một động lực lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặc dù vậy, kết quả đạt được chủ yếu mới là phát triển đại trà về chiều rộng với trình độ và chất lượng thấp. Lợi thế về nguồn lao động giá rẻ, trình độ thấp, kết hợp với khai thác, sử dụng và xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên thô đang nhanh chóng tiến tới ngưỡng, không bao lâu nữa chúng ta sẽ mất lợi thế này. Để vượt qua ngưỡng phát triển theo chiều rộng, bước sang giai đoạn mới nhằm đáp ứng những nhu cầu to lớn mới của đất nước như tăng cường phát triển theo

chiều sâu, đẩy mạnh tiến trình CNH, HĐH, mở rộng hơn nữa tiến trình hội nhập quốc tế và thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức, chúng ta không có sự lựa chọn nào tốt hơn là *chuyển trọng tâm sang nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt cần ưu tiên đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo bậc cao, đại học và trên đại học*. Đây là lĩnh vực hiện đang còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được những nhu cầu của giai đoạn phát triển mới gắn với CNH, HĐH, toàn cầu hoá và kinh tế tri thức. Một nước ngày càng tăng mức độ CNH, HĐH, hội nhập quốc tế mà không có lấy một trường đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế thì sao có thể hội nhập hiệu quả và chất lượng được. Đó chính là lý do tại sao hầu hết học sinh giỏi, con cái các gia đình có điều kiện kinh tế khá, đều không muốn học ở trong nước, tìm đường đi du học ở nước ngoài, mặc dù chi phí tốn kém hơn nhiều so với học ở trong nước. Muốn nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo để đạt chuẩn quốc tế thì trước hết các cấp đại học và trên đại học phải dạy và học các kiến thức quốc tế để đào tạo ra những người có khả năng làm việc cả ở trong nước và nước ngoài, đồng thời phải dạy nhiều bằng những ngôn ngữ phổ biến trên thế giới, đặc biệt là tiếng Anh, phải coi *tiếng Anh là quốc ngữ thứ hai*, sau tiếng Việt, hoặc là *ngoại ngữ Số 1*. Vì độc lập, tự chủ, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc thì dạy tiếng Việt; vì hội nhập quốc tế, mở mang dân trí thì dạy tiếng Anh. Nếu không, sẽ không bao giờ tiến kịp các nước phát triển, đừng nói tới "đi tắt đón đầu" trong xu thế toàn cầu hoá, tiến nhanh, tiến mạnh lên kinh tế tri thức.

Một bất cập lớn trong hệ thống giáo dục của nước ta hiện nay là ít coi trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp. Chúng ta có một thói quen xấu là thích thành tích, còn gọi là "bệnh thành tích". Vì thế, nhiều người thường tỏ ra rất hồ hởi khi

nói về kết quả cao trong các kỳ thi quốc tế về toán, lý, hoá của một số học sinh giỏi. Đáng tiếc là phần lớn số học sinh đó sau khi thi đạt giải cao ít phát huy được tài năng. Lý do là sau đó họ không còn được tiếp tục coi trọng trong đào tạo và sử dụng, nhiệm vụ của ngành giáo dục đối với họ coi như đã xong, luyện thi để lấy thành tích thi cử cao, không phải để có kỹ năng nghề nghiệp giỏi. Đó là lý do giải thích tại sao thi lấy điểm thì phần đông học sinh, sinh viên đạt khá, giỏi, nhưng thi để kiếm nghề thì hầu hết đạt kém. Một ví dụ điển hình là Hãng Intel của Mỹ vào Việt Nam đầu tư đã tổ chức thi tuyển nhân viên công nghệ thông tin, một lĩnh vực nhiều người Việt Nam tự cho là giỏi vì thông minh. Nhưng kết quả thật bất ngờ, trong số 2000 ứng viên dự thi để vào làm việc cho cơ sở sản xuất của hãng tại thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có 90 ứng viên, tức 5%, đạt chuẩn chuyên môn, trong đó 40 ứng viên (2%) đủ trình độ tiếng Anh để tuyển dụng, chung cuộc 2% đạt chuẩn tuyển dụng! Hay Renesas, một hãng thiết kế và sản xuất vi mạch hàng đầu của Nhật Bản đầu tư vào thành phố Hồ Chí Minh, muốn tìm tuyển 500 kỹ sư cho giai đoạn hoạt động đầu tiên, mà suốt 2 năm 2007 và 2008 chỉ tuyển được 60 người đạt chuẩn. Bệnh thành tích đã lái hệ thống giáo dục, đào tạo Việt Nam phát triển theo hướng trái với nhu cầu phát triển, coi trọng thành tích thi cử mười, kỹ năng nghề nghiệp một, nay cần đảo chiều nhằm đáp ứng đúng nhu cầu thực tế: *xây dựng một hệ thống giáo dục thực sự phục vụ phát triển, coi trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp mười, thành tích thi cử một.*

Về phân phối, từ khi áp dụng cơ chế kinh tế thị trường, chế độ phân chia mang tính cào bằng theo kiểu bình quân chủ nghĩa đã được khắc phục, người làm tốt hơn đã được đối xử tốt hơn, được hưởng quyền lợi cao hơn, có thu nhập cao hơn. Nhưng mọi chính sách dù ưu việt

đến mấy không tránh khỏi những hạn chế, bất cập. Chính từ việc xoá bỏ chế độ cào bằng, áp dụng cơ chế người làm tốt hơn được hưởng quyền lợi cao hơn đã dẫn đến những mất cân bằng khác, đặc biệt là tình trạng tăng nhanh mức chênh lệch giàu nghèo giữa các cá nhân, vùng miền. Mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% dân số giàu nhất và nhóm 20% dân số nghèo nhất từ chỗ gần như ngang nhau nay tăng lên gần 10 lần, ngược với xu hướng diễn ra tại một số nền kinh tế trong khu vực châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan mức chênh lệch giảm dần từ trên 20 lần xuống 4-5 lần. Mặc dù trong kinh tế thị trường chênh lệch là cần thiết để tạo động lực phát triển, nhưng chênh lệch tới 10 lần là quá cao, *chênh lệch khoảng 5 lần là hợp lý*, vừa khuyến khích, tạo điều kiện để người làm ăn giỏi có thu nhập cao hơn, vừa đảm bảo những lợi ích của tăng trưởng kinh tế được phân phối tương đối công bằng cho những người có tài năng làm ăn tốt và cả những người có hạn chế về sức khoẻ, năng lực, làm ăn kém hơn.

Cơ cấu lao động là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ thay đổi về chất của tiến trình CNH, HĐH. Tuy cơ cấu ngành kinh tế trong thời kỳ đổi mới đã có sự chuyển dịch tương đối khá theo hướng CNH, HĐH, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP đã giảm xuống khoảng 20%, công nghiệp và dịch vụ tăng lên 80%, nhưng cơ cấu lao động phân theo ngành thì còn xa mới đạt được các tỷ lệ đó, trong khi cơ cấu lao động chính là thước đo phản ánh thực chất của việc áp dụng phương pháp công nghiệp trong phát triển. Thực tế quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH ở nước ta diễn ra rất chậm chạp, sau 60 năm thực hiện CNH, HĐH kể từ thập niên 1960 đến nay, vẫn còn trên 70% lao động làm nghề nông, sống ở các vùng nông thôn, chừng nào tỷ lệ này chưa

giảm xuống dưới 25% thì nền kinh tế nước ta về thực chất chưa thể được gọi là nền kinh tế công nghiệp. Để *đưa tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống dưới 25%*, chắc chắn chúng ta còn mất ít nhất vài ba thập kỷ. Theo các tính toán gần đây, dự báo tỷ lệ số dân Việt Nam sống ở khu vực đô thị đến năm 2020 có thể được nâng lên 45%, đến năm 2050 đạt khoảng 80%, nếu chúng ta tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế và CNH cao như thời kỳ vừa qua. So với tỷ lệ cơ cấu dân số của Mỹ hiện nay là 1-2% số dân làm nông nghiệp, dưới 20% làm công nghiệp và khoảng 80% trong khu vực dịch vụ, thì để trở thành một nước công nghiệp phát triển, chắc chắn chúng ta còn phải trải qua một chặng đường rất dài.

Một nhiệm vụ cấp bách, nhưng đồng thời có ý nghĩa lâu dài, là phải *xây dựng được một đội ngũ các nhà doanh nhân giỏi*, đặc biệt là các nhà tài chính, thương nhân, các nhà công nghiệp và dịch vụ có tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Việc chúng ta tiếp nhận tới trên 90% đầu tư nước ngoài là đầu tư trực tiếp chứng tỏ đội ngũ các nhà kinh doanh của Việt Nam còn rất non kém, chưa đủ sức phát triển các ngành công nghiệp của đất nước, phụ thuộc quá nhiều vào các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chừng nào chúng ta làm được như Hàn Quốc trong thời kỳ đầu CNH vào những thập niên 1950 và 1960, hay Ấn Độ từ khi bắt đầu công cuộc cải cách, tự do hoá từ năm 1991 đến nay, thu hút trên 90% đầu tư nước ngoài là đầu tư gián tiếp để xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp của các nhà kinh doanh trong nước, thì lúc đó ta mới có thể yên tâm rằng đội ngũ các nhà doanh nhân Việt Nam có đủ khả năng phát triển nền công nghiệp của đất nước. Xây dựng một đội ngũ các nhà doanh nhân đông đảo và giỏi kinh doanh là một thách thức lớn của đất nước, nhưng không thể không làm, nhất là trong bối cảnh nước

ta đã chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các nhà kinh doanh phải cạnh tranh công bằng không chỉ tại thị trường trong nước, mà cả thị trường quốc tế. Những gì chúng ta đã và đang làm từ khi thực hiện chính sách đổi mới, tuy đã giảm bớt tính kỳ thị và phân biệt đối xử giữa quốc doanh và tư doanh so với thời kỳ trước đổi mới, nhưng chưa gỡ bỏ hết những "trói buộc" đằng sau những lời hô hào mang tính khẩu hiệu động viên khuyến khích chung chung. Nay cần có cơ chế, chính sách thiết thực để đưa những lời động viên đó trở thành những biện pháp kích thích kinh doanh thực sự. Có nhà tư doanh khi được trao chứng nhận doanh nhân giỏi đã từng phát biểu rằng đó là một vinh dự, nhưng nếu sự vinh danh đó được thể hiện bằng những biện pháp tạo điều kiện thuận lợi và kích thích kinh tế thông qua các thủ tục hành chính minh bạch, các chế độ thuế, tín dụng, đất đai, cơ sở hạ tầng mang tính khuyến khích đối với doanh nghiệp, không sách nhiễu... thì còn hơn nhiều so với việc cấp cho một tờ giấy vinh danh mà chưa "cởi trói" thực sự.

Một vấn đề nữa tuy được nêu sau, nhưng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với việc phát triển và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, đó là việc *giải phóng tư duy và năng lực sáng tạo*, trọng dụng người tài, loại bỏ những rào cản gây trở ngại đối với sự sáng tạo và đóng góp của người tài. Những xã hội văn minh sẽ dĩ trở nên văn minh vì họ đã xây dựng được những cơ chế đảm bảo cho tự do sáng tạo và khuyến khích người tài sáng tạo. Các xã hội văn minh đã làm thế, nước ta muốn đi lên văn minh, hiện đại, không thể không làm thế.

Thủ tục, mở rộng hội nhập quốc tế theo hướng bổ sung nội lực với ngoại lực, kết hợp hài hoà chiến lược hướng vào xuất khẩu với thay thế nhập khẩu

Đây là bài học được đúc rút sau khi chúng kiến những tác động tiêu cực của các chính sách thái quá hướng nội và có dấu hiệu thiên lệch hướng ngoại một số năm gần đây. Hướng nội quá thì bỏ lỡ các cơ hội mà thị trường thế giới mang lại trong khi các nguồn nội lực quá khan hiếm, thiếu thốn, không đủ để phát triển, khiến kinh tế - xã hội rơi vào khủng hoảng trầm trọng như đã diễn ra ngay đêm trước của thời kỳ đổi mới. Hướng ngoại quá thì bị tác động tiêu cực khi thị trường thế giới và khu vực thu hẹp như đã trải nghiệm qua hai cuộc khủng hoảng khu vực và thế giới những năm 1997-1998 và 2008-2009. Bài học này gợi mở một chiến lược hội nhập quốc tế mới giảm tính thái quá và tăng tính cân bằng.

Trong thực tế chúng ta đã có những điều chỉnh đáp ứng những thay đổi của mỗi thời kỳ, như đã kịp thời chuyển hướng từ "nhất thể hoá" một chiều dưới hệ thống XHCN cũ trước đây sang đa phương hoá, đa dạng hoá, phù hợp với xu thế mới về toàn cầu hoá, khu vực hoá, tránh được sự sụp đổ theo hệ thống XHCN cũ đã tan rã từ đầu thập niên 1990. Nhưng đa phương hoá, đa dạng hoá mà thiếu định hướng rõ ràng, thiếu những chiến lược, chính sách, giải pháp sát với điều kiện thực tế của đất nước và thế giới thì sẽ dẫn đến không rõ hướng đi cụ thể, hoặc vô tình đi theo những lối mòn, những chính sách, chiến lược do người khác định sẵn, đã được áp dụng thành công ở nước này, nước khác vào những thời điểm nhất định với những điều kiện thích hợp trong tình hình lúc đó, nhưng không còn phù hợp hay chỉ phù hợp từng phần với những điều kiện thực tế của thế giới và nước ta hiện nay.

Như chiến lược thay thế nhập khẩu chẳng hạn. Nó đã phát huy tác dụng tốt vào thập niên 1950 và nửa đầu thập niên 1960 khi các nước đang phát triển cần xây dựng nền kinh tế độc lập dân tộc,

chống lại sự đô hộ của tư bản nước ngoài, nhưng đến giữa thập niên 1960 nó đã trở thành vật cản đường của các nước đang phát triển do quá nhấn mạnh đến độc lập, tự chủ, nên đã dẫn các nền kinh tế đang phát triển đến chỗ bị khu biệt khỏi thế giới phát triển, không tranh thủ được các nguồn vốn, công nghệ, thị trường và kinh nghiệm quản lý, làm cho các nước đang phát triển bị mất nhiều cơ hội và nguồn lực phát triển. Rõ ràng đến lúc này chiến lược thay thế nhập khẩu không còn phù hợp nữa.

Từ giữa thập niên 1960, một chiến lược mới đã được thiết kế - chiến lược hướng xuất khẩu - với mục tiêu khắc phục những hạn chế của chiến lược thay thế nhập khẩu, mở ra những cơ hội mới cho các nước đang phát triển trong tiếp cận thị trường thế giới rộng lớn, tiếp cận các nguồn vốn, công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại. Chiến lược hướng xuất khẩu đã phát huy tác dụng rất mạnh cho đến khi nổ ra cuộc khủng hoảng dầu lửa vào những năm 1973-1974, rồi khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998 và khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008-2009 thu hẹp thị trường thế giới, thì chiến lược hướng xuất khẩu đã mất dần tác dụng của nó. Lúc này nhiều nhà chiến lược và hoạch định chính sách đã quay lại nhấn mạnh tới các thị trường trong nước và trong khu vực.

Những thay đổi trên đây cũng đã diễn ra tương tự đối với Việt Nam, một nước có thời đã nói rất mạnh về tự lực cánh sinh, rồi mở cửa thúc đẩy hội nhập quốc tế, và nay lại đang phát động phong trào người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Thực tế đó đang đặt ra cho Việt Nam một yêu cầu là cần tìm cho mình một chiến lược hội nhập mới phù hợp hơn, cân đối hơn, khắc phục những lệch lạc hướng nội hay hướng ngoại thái quá. Mặc dù đối với một nền kinh tế nhỏ, kém phát triển như Việt Nam hiện nay, *ngoại thương vẫn*

tiếp tục đóng vai trò đầu tàu của tăng trưởng, nhưng trong bối cảnh mới của toàn cầu hoá và kinh tế tri thức có tính hai mặt, cơ hội nhiều, rủi ro lắm, thì giải pháp thực tế và ít bị tổn thương là thực hiện *chiến lược mở rộng hội nhập quốc tế theo hướng bổ sung giữa nội lực và ngoại lực, kết hợp hài hoà giữa hai chiến lược hướng vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu* là phù hợp nhất. Chiến lược mới này không những cho phép chúng ta vừa phát huy được các nguồn nội lực sẵn có, vừa tranh thủ được các cơ hội mà toàn cầu hoá, khu vực hoá mang lại, một mặt không quá trông chờ vào các cơ hội bên ngoài mà quên hoặc coi nhẹ những nguồn lực trong nước, mặt khác khắc phục tình trạng mất thị trường nước ngoài khi khủng hoảng kinh tế thế giới và khu vực, không bỏ trống thị trường trong nước cho tư bản nước ngoài, khi kinh tế thế giới và khu vực tăng trưởng mạnh thì hướng ngoại mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, khi kinh tế thế giới và khu vực rơi vào khủng hoảng, suy thoái thì hướng nội mạnh, mở rộng thị trường trong nước, vào lúc bình thường thì phát huy cả hai.

Một vấn đề lớn khác của Việt Nam trong hội nhập quốc tế là cách thức hội nhập. Đã có thời khi nói đến hợp tác quốc tế hay "nhất thể hoá" XHCN, hầu như chúng ta chỉ chú trọng đến viện trợ, ít để ý đến phát triển ngoại thương, đầu tư, du lịch, xuất khẩu lao động và các hình thức kinh doanh quốc tế khác. Rất may từ khi đổi mới, chúng ta đã dần dần tìm ra được cái cần cầu và cách cầu hữu hiệu, đã thay đổi một cách căn bản quan niệm về làm kinh tế đối ngoại, không còn quá lệ thuộc vào viện trợ, hay có thể nói là đã cai được cái bệnh "nghiện" viện trợ, chuyển dần sang một tư duy mới và cách làm mới, ngày càng coi trọng hơn các phương thức kinh doanh kinh tế đối ngoại, phát triển mạnh ngoại thương, đầu tư nước ngoài, du lịch, xuất khẩu lao động... đưa những lĩnh

vực kinh doanh mới này lên ngang tầm, thậm chí dần vượt lên trên viện trợ, khắc phục dần thói quen ỷ lại, bên ngoài thì trông chờ vào sự giúp đỡ hảo tâm của các nước XHCN cũ, bên trong thì dựa dẫm vào cơ chế bao cấp, xin, cho.

Chính việc tìm được cái cần cầu và cách cầu mới này là thành quả lớn nhất trong hai thập kỷ rưỡi đổi mới hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng, đổi mới cơ chế hoạt động kinh tế của đất nước ta nói chung. Đây tuy không là sản phẩm cân, đo, đong, đếm được, nhưng là thành quả bao trùm lên trên tất cả những thành quả cân, đo, đong, đếm được. Nhờ có cái cần cầu và cách cầu mới này mà Việt Nam - một nước nhỏ với nền kinh tế kém phát triển - đã bắt được những con cá khá to, đã đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, giảm bớt đói nghèo, mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, du lịch, dịch vụ, kiều hối, đồng thời huy động và sử dụng tốt hơn nguồn viện trợ nước ngoài. Sự thay đổi cách nghĩ, cách làm trong những năm đổi mới đã tạo cho Việt Nam một đà phát triển khá mạnh, một dòng chảy liên tục, một xu hướng tất yếu không thể đảo ngược. Cái đang cần hiện nay là tìm ra một mô hình mới có khả năng đưa đất nước tới một giai đoạn phát triển năng động, ổn định và bền vững hơn.

Kết luận: Trước khi đưa ra kết luận và kiến nghị của mình, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ các ý kiến đề xuất của một số nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách về các quan điểm và mô hình phát triển tổng quát của Việt Nam trong giai đoạn mới từ nay đến năm 2020 và xa hơn, nổi bật là các kiến nghị như "*mô hình nền kinh tế thị trường hiện đại*" do GS.TS. Lê Du Phong đề xuất; "*mô hình kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại*" của GS.TS. Nguyễn Văn Nam và Nguyễn Đức Hiên; "*Quan điểm mới cho phát triển xã hội bền vững*" của PGS. TSKH Lương

Việt Hải; "Một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam" của GS.TS. Lương Xuân Quý và Nguyễn Anh Tuấn; "Phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam" của TS. Trần Hồng Lưu; "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong phát triển doanh nghiệp ở nước ta" của Nguyễn Thị Huyền; "Văn hoá kinh doanh - Yêu cầu tất yếu của sự phát triển kinh tế trong điều kiện toàn cầu hoá" của TS. Phạm Duy Hải; Xu thế toàn cầu và giải pháp phát triển đất nước giai đoạn 2010-2025 của TS. Nguyễn Văn Lạng; và một số đề xuất khác. Mỗi ý kiến đề xuất trên đây đều đã phân tích sâu sắc về các nội dung và vấn đề thiết yếu liên quan đến mô hình phát triển tổng quát của Việt Nam.

Tuy nhiên, để đáp ứng những yêu cầu phát triển cả về lượng và chất của nước ta trong thời kỳ mới như đã phân tích trong các phần trên, thì chưa có đề xuất nào bao quát được đầy đủ những yêu cầu đó. Chính vì vậy, chúng tôi cho rằng trong 2-3 thập kỷ tới, nếu Việt Nam muốn đạt được một sự phát triển nhanh và cân đối cả về lượng và chất, thì không có giải pháp nào tốt hơn là thực thi mô hình phát triển nền kinh tế thị trường bền vững dựa trên ba trụ cột cơ bản là: (1) áp dụng cơ chế kinh tế thị trường năng động; (2) giữ vững ổn định xã hội; và (3) bảo vệ môi trường sống trong lành. Với ba trụ cột, đồng thời là ba định hướng chiến lược trên đây, mô hình phát triển mới không những tiếp tục phát huy mặt tích cực, tăng cường tính năng động của nền kinh tế thị trường, mà còn khắc phục mặt tiêu cực của nó là tính thiếu bền vững thông qua việc áp dụng các chính sách ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Đó là giải pháp phát triển tối ưu, hướng tới hiệu quả tổng hợp cả về kinh tế, xã hội và môi trường, vừa tiếp tục phát huy tính năng động của cơ chế thị trường, vừa đảm bảo

bền vững thông qua các chính sách công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, phù hợp nhất cho giai đoạn đổi mới tiếp theo của đất nước từ nay đến năm 2020 và một vài thập niên sau đó. Giải pháp này không những có thể giúp Việt Nam khắc phục nhanh những hậu quả của cuộc khủng hoảng đang diễn ra, mà còn tranh thủ chính cuộc khủng hoảng đó để phát triển những tiềm năng và cơ hội mới, tránh rơi vào cái bẫy của nước thu nhập trung bình, từ đó tiến mạnh trên con đường CNH, HĐH nhằm đạt được hai mục tiêu cơ bản là tăng trưởng cao đi đôi với phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dung, Lê Thị Kim: *Thế chế phát triển bền vững trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 2(23) 2009.
- Định, Đỗ Đức: *Kinh tế học phát triển - Công nghiệp hoá và Cải cách kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- Đức, Danh: *Đừng để tham nhũng giết chết phát triển*, Tuổi trẻ 9/12/2009.
- Hà, Phạm Mạnh: *Hiện trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 2(23) 2009.
- Hải, Lương Việt: *Quan điểm mới cho phát triển xã hội bền vững*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.37.
- Hải, Phạm Duy: *Văn hoá kinh doanh - Yêu cầu tất yếu của sự phát triển kinh tế trong điều kiện toàn cầu hoá*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.99.
- Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ III: *Việt Nam - Hội nhập và phát triển*, Tuyển tập báo cáo tóm tắt, NXB ĐHQG HN, 12-2008.
- Huyền, Nguyễn Thị: *Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong phát triển doanh nghiệp ở nước ta*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.87.
- Khánh, Nguyễn Ngọc: *Phát triển bền vững trong xu thế toàn cầu hoá*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 2(23) 2009.

- Khánh, Tùng: *Cơ sở xã hội nhân văn trong quản lý nhà nước đối với tài nguyên, môi trường trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 2(23) 2009.
- Kinh, C.V.: *"Tuýt còi" Lilama phát hành tiền 5 triệu đồng*", Tuổi trẻ, 08/01/2010.
- Kỹ yếu Hội thảo bàn tròn cấp cao: *Tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam*, Viện KHXH VN, 4 tập, Hà Nội, 2005 và 2006.
- Kỹ yếu Hội thảo khoa học: *Việt Nam và tiến trình gia nhập WTO*, ĐH Quốc gia HN, ĐH KHXH-NV, Viện Konrad Adenauer, Hà Nội, 2004.
- Kỹ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ II: *"Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập: Truyền thống và hiện đại"*, ĐH Quốc gia HN, Viện KHXH VN, NXB TG, 4 tập, Hà Nội, 2004.
- Lạng, Nguyễn Văn: *Xu thế toàn cầu và giải pháp phát triển đất nước giai đoạn 2010-2025*, Tạp chí Quản lý kinh tế, số 29, 11-12/2009.
- Lưu, Trần Hồng: *Phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, "Trong khoảng thời gian gần đây, nhiều công trình nghiên cứu của các học giả như J. Schumpeper, R. Solow... tăng trưởng kinh tế không dựa vào tri thức sẽ không bền vững" (tr.55)... tri thức thực sự trở thành yếu tố bên trong của sản xuất và chính nó là cái quyết định lợi thế so sánh của nền kinh tế" (tr.56).
- Nam, Nguyễn Văn - Hiến, Nguyễn Đức: *Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam đến năm 2020*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.27: Đề xuất xây dựng "Mô hình kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại".
- Ngoạn, Trần Ngọc (Chủ biên): *Phát triển nông thôn bền vững: Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, NXB KHXH, 2008.
- Ngọc, Hà Huy: *Một số vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 3(24) 2009.
- Phong, Lê Du: *Một vài suy nghĩ về mô hình kinh tế tổng thể ở Việt Nam*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.20-22: Đề xuất xây dựng "mô hình nền kinh tế thị trường hiện đại".
- Quang, Minh: *Sai phạm lớn thuộc về các tập đoàn, tổng công ty*, Tuổi trẻ 30/12/2009 - trong bài viết có những câu: "172/189 doanh nghiệp có sai phạm trong cổ phần hoá"... "DN càng lớn, sai phạm càng lớn",... "Tổng thanh tra Chính phủ Trần Văn Tuyên: Sẽ áp dụng biện pháp cứng rắn hơn".
- Quỳ, Lương Xuân - Tuấn, Nguyễn Anh: *Một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Tạp chí KHXH VN, Số 6(37) 2009, tr.49.
- Stiglitz, Joseph: Bài 1: *What I learned at the World Economic Crisis (Tôi đã học được gì từ cuộc khủng hoảng thế giới)*, The Insider, The New Republic, Issue date: 04.17.00, Post date: 04.06.00; Bài 2: *The Roaring Ninties (Những năm 90 gào thét)*, The Atlantic Monthly, October 2002.
- Thành, Hà Huy - Khánh, Nguyễn Ngọc, *Phát triển bền vững - Từ quan niệm đến hành động*, NXB KHXH, 2009.
- Thi, Lê: *Hãy gìn giữ môi trường sống của chúng ta - một việc làm cấp bách, cơ bản, lâu dài*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 4(25) 2009.
- Thông, Đình Văn: *Những đặc trưng của nền kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 2(23) 2009.
- Tuấn, Đào Hoàng (Chủ biên): *Phát triển đô thị bền vững: Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, NXB KHXH, 2008.
- Tuổi trẻ - Loạt bài về các chủ đề: *Công nghiệp phụ trợ: "Đứa con không chịu lớn"* - Kỳ 1: *Nhập khẩu thay thế sản xuất* (Trần Vũ Nghi - Lê Nguyễn Minh, 22/12/2009); Kỳ 2: *Ì ạch ngành công nghiệp ô tô* (Lê Nam, 23/12/2009); Kỳ 3: *Đột phá từ khâu chính sách* (Lê Nguyễn Minh - Trần Vũ Nghi, 24/12/2009); *Vai trò của công đoàn còn mờ nhạt trong xử lý đình công* (Lê Kiên - Chi Mai, 13-4-2010).
- Ý, Lê Thành: *Phát triển bền vững - ghi nhận từ diễn đàn công nghệ xanh GREEN-BIZ 2009 tại Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, số 4(25) 2009.